

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Thực hiện Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn, với những nội dung cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức cơ quan địa phương 2 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, về tổ chức bộ máy, cán bộ công chức viên chức khi thực hiện sắp xếp;

Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;

Theo đó, tại khoản 1 Điều 22 Luật phí và lệ phí quy định:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền”.

2. Cơ sở thực tiễn

Ngày 03/4/2025, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn (Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND), trong đó quy định tổ chức thu phí, lệ phí của một số khoản phí, lệ phí do cơ quan cấp huyện thu; địa điểm thực hiện một số thủ tục hành chính tại các huyện, thành phố, thị trấn. Thực hiện chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp xã, không tổ chức chính quyền cấp huyện kể từ ngày 01/7/2025, theo đó việc quy định cơ quan cấp huyện thu một số khoản phí, lệ phí, địa điểm thực hiện các thủ tục hành chính tại các huyện, thành phố, thị trấn tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND sẽ không còn phù hợp. Theo đó, cần quy định lại tổ chức thu, địa điểm thực hiện phù hợp đối với các khoản phí, lệ phí này để có cơ sở tổ chức thực hiện công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí kể từ thời điểm 01/7/2025 sau khi không tổ chức chính quyền cấp huyện.

Ngoài ra, qua tham khảo tỉnh Thái Nguyên, hiện nay cơ quan chuyên môn cũng đang xây dựng dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, sau khi rà soát, đối chiếu mức thu, tỷ lệ trích để lại tại hai Nghị quyết của hai tỉnh cho thấy có sự chênh lệch mức thu, tỷ lệ trích để lại các khoản phí, lệ phí khá lớn; việc xây dựng Nghị quyết cho tỉnh mới sau sáp nhập cần đánh giá kỹ lại mức thu, tỷ lệ trích để lại đơn vị để đảm bảo phù hợp với các địa bàn trong tỉnh. Do đó, trong thời gian trước mắt, chưa ban hành được Nghị quyết chung cho toàn địa bàn tỉnh mới, sẽ áp dụng song song Nghị quyết của hai tỉnh để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

Từ các nội dung trên, việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn là cần thiết, phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn nhằm mục đích quy định lại tổ chức thu, địa điểm thực hiện đối với một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh để phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, đồng thời làm cơ sở tổ chức thực hiện công tác thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí và lệ phí kể từ thời điểm 01/7/2025 sau khi không tổ chức chính quyền cấp huyện.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2015, các văn bản hướng dẫn Luật, phù hợp với chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn.

2. Đối tượng áp dụng

- Người nộp phí, lệ phí bao gồm tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước theo quy định của Luật phí và lệ phí;

- Tổ chức thu phí, lệ phí bao gồm cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công, phục vụ công việc quản lý nhà nước được thu phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí;

- Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khác liên quan đến kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, UBND tỉnh đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy trình tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; xin ý kiến Thường trực HĐND tỉnh về việc đề nghị xây dựng Nghị quyết; đăng tải dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các sở, ngành, địa phương; gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định; tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết để trình HĐND tỉnh ban hành.

V. BỐ CỤC, NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết được bố cục thành 02 Điều:

- **Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh.

- **Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ quy định về tổ chức thu phí, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính đối với 07 khoản phí, gồm: (1) Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố; (2) Phí thư viện; (3) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (4) Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường; (5) Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; (6) Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; (7) Phí đăng ký biện pháp bảo đảm.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức thu lệ phí, nội dung thu lệ phí, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính đối với 04 khoản lệ phí, gồm: (1) Lệ phí hộ tịch; (2) Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; (3) Lệ phí cấp giấy phép xây dựng; (4) Lệ phí đăng ký kinh doanh.

- Sửa đổi, bổ sung tên tổ chức thu đối với 02 khoản lệ phí 0 đồng khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, gồm: (1) Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với cá nhân, cộng đồng dân cư; (2) Lệ phí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Kinh phí đảm bảo thực thi Nghị quyết sau khi được thông qua: Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách (chỉ phát sinh kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật).

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

(UBND tỉnh gửi hồ sơ dự thảo Nghị quyết kèm theo, gồm:

- 1. Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh;*
- 2. Biểu thuyết minh nội dung dự thảo Nghị quyết;*
- 3. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các đơn vị, địa phương;*
- 4. Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp;*
- 6. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp;*
- 7. Các ý kiến đóng góp của đơn vị, địa phương)./.*

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP (Ô. Nguyễn);
- Lưu: VT, Hồng, Lan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đăng Bình



THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH MỨC THU, MIỄN, GIẢM THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI PHÍ VÀ LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN
BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2025/NQ-HĐND NGÀY 03/4/2025 CỦA HĐND TỈNH BẮC KẠN

(Kèm theo Tờ trình số 144 /TTr-UBND ngày 15 /6/2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên phí, lệ phí	Điều, khoản, điểm quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND	Nội dung quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND	Nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp	Thuyết minh cơ sở đề xuất nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết
A	PHÍ				
1	Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố				
		khoản 1 Điều 1 khoản 2 Điều 1 khoản 5 Điều 1	1. Mức thu: a) Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng, giữ xe: - Các phường thuộc thành phố: 5.000 đồng/m²/ngày; - Các xã, thị trấn: 3.000 đồng/m²/ngày. b) Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích khác: - Các phường thuộc thành phố: 15.000 đồng/m²/tháng; - Các xã trung tâm huyện và thị trấn: 5.000 đồng/m²/tháng; - Các xã còn lại: 3.000 đồng/m²/tháng. 2. Tỷ lệ trích để lại: a) Đối với thành phố: Để lại đơn vị trực tiếp thu năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, năm mươi phần trăm (50%) nộp ngân sách nhà nước. b) Đối với các huyện: Để lại đơn vị trực tiếp thu mười phần trăm (10%) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, chín mươi phần trăm (90%) nộp ngân sách nhà nước. 5. Tổ chức thu phí: Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.	1. Mức thu: a) Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng, giữ xe: - Các phường: 5.000 đồng/m²/ngày; - Các xã: 3.000 đồng/m²/ngày. b) Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích khác: - Các phường: 15.000 đồng/m²/tháng; - Các xã: 3.000 đồng/m²/tháng. 2. Tỷ lệ trích để lại: a) Đối với phường: Để lại đơn vị trực tiếp thu năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, năm mươi phần trăm (50%) nộp ngân sách nhà nước. b) Đối với xã: Để lại đơn vị trực tiếp thu mười phần trăm (10%) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, chín mươi phần trăm (90%) nộp ngân sách nhà nước. 5. Tổ chức thu phí: Ủy ban nhân dân xã, phường.	- Tại gạch đầu dòng thứ ba, tiểu mục 3.1, mục 3 Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp quy định: "Trường hợp sắp xếp phường với các đơn vị hành chính cùng cấp (xã, phường, thị trấn) thì đơn vị hành chính sau sắp xếp là phường; trường hợp sắp xếp các xã, thị trấn thì đơn vị hành chính sau sắp xếp là xã". Như vậy, sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cấp xã chỉ bao gồm phường và xã, không còn thị trấn; đồng thời không tổ chức chính quyền cấp huyện kể từ ngày 01/7/2025. Do đó, UBND tỉnh đề xuất sửa đổi địa điểm sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố và tên tổ chức thu phí là phường và xã; đồng thời bỏ địa điểm là các xã trung tâm huyện và thị trấn, bỏ tên tổ chức thu phí là thị trấn; về mức thu phí và tỷ lệ trích để lại đề xuất giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh. - Khi bỏ mức thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích khác tại các xã trung tâm huyện và thị trấn (5.000 đồng/m²/tháng) không ảnh hưởng lớn đến số thu ngân sách nhà nước, với lý do: Hầu hết các huyện không phát sinh khoản phí này, nếu có thì số phí thu được cũng rất nhỏ, qua rà soát, trong các năm 2023, 2024 chỉ có huyện Chợ Đồn có thu phí với tổng số phí thu được là 20 triệu đồng.
2	Phí thư viện				
		khoản 5 Điều 5	5. Tổ chức thu phí: Thư viện tỉnh và Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông các huyện, thành phố.	5. Tổ chức thu phí: Thư viện tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã.	Tại tiểu mục 2.7, mục 2, Phần II Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về việc định hướng một số nội dung về sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, về tổ chức bộ máy và cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp có nội dung: "Việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp huyện hiện nay để chuyển giao, thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã sau sắp xếp thực hiện theo định hướng tại Kết luận số 137-KL/TW và hướng dẫn của các Bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực sự nghiệp..." - Sắp xếp, tổ chức 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn (cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường,...). Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thông các huyện, thành phố là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND các huyện, thành phố, theo định hướng nêu trên của Ban Chỉ đạo của Chính phủ sẽ thực hiện sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND huyện, thành phố và tổ chức lại thành 01 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã để cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch, thông tin, truyền thông, nông nghiệp, môi trường. Do đó, UBND tỉnh đề xuất sửa đổi nội dung quy định tổ chức thu phí thư viện là Thư viện tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã.
3	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất				
		tên của mục 1 tiết a điểm 1.2 khoản 1 Điều 8	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện	Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường	Tại gạch đầu dòng thứ ba, tiểu mục 3.1, mục 3 Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp quy định: "Trường hợp sắp xếp phường với các đơn vị hành chính cùng cấp (xã, phường, thị trấn) thì đơn vị hành chính sau sắp xếp là phường; trường hợp sắp xếp các xã, thị trấn thì đơn vị hành chính sau sắp xếp là xã". Như vậy, sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cấp xã chỉ bao gồm phường và xã, không còn thị trấn. Do đó, UBND tỉnh đề xuất sửa đổi các nội dung có cụm từ "các phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện" thành cụm từ "các phường".
		tên của cột thứ tư tiết c điểm 1.2 khoản 1 Điều 8	Mức thu tại các phường thuộc thành phố, thị trấn thuộc huyện	Mức thu tại các phường	

			b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp đổi, cấp lại), c, d điểm 1.2 khoản 1 Điều này. c) Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp lần đầu; chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép), b điểm 1.2 khoản 1 Điều này.	"b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp đổi, cấp lại), c, d điểm 1.2 khoản 1 Điều này. c) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp lần đầu; chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép), b điểm 1.2 khoản 1 Điều này."	1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố hiện lấy tên theo đơn vị hành chính cấp huyện. Căn cứ dự thảo Đề án sắp xếp tổ chức Văn phòng đăng ký đất đai do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đang xây dựng sau khi nhập tỉnh, trong đó có tổ chức lại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thành Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực, thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo địa bàn một số xã, phường sau sắp xếp; căn cứ chủ trương không tổ chức chính quyền cấp huyện kể từ ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh tên tổ chức thu phí "Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn" thành "Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai" để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp. 2. Theo định hướng của Ban Chỉ đạo của Chính phủ tại ý (2), tiểu mục 2.4, mục 2, Phần II Công văn số 03/CV-BCĐ, UBND xã mới sẽ gồm: Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (bao gồm các lĩnh vực: Tài chính - Kế hoạch, Xây dựng và Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường); Phòng Văn hóa - Xã hội (bao gồm các lĩnh vực: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Y tế); Trung tâm phục vụ hành chính công. Như vậy, các lĩnh vực thuộc UBND cấp xã mới quản lý cơ bản tương ứng với các lĩnh vực do UBND huyện hiện nay đang quản lý, có chức năng tham mưu cho UBND xã thực hiện quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, trong đó Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. Do đó, UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh tên tổ chức thu phí "Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố" thành "Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)".
4	Phí thẩm định, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường				
		Các nội dung quy định tại số thứ tự 3 khoản 1 Điều 10	Đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện	Bãi bỏ toàn bộ các nội dung tại số thứ tự 3 khoản 1	Tại điểm a khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, trong đó quy định: "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện một số thẩm quyền, trách nhiệm tương ứng của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong một số trường hợp sau: a) Cấp giấy phép môi trường quy định tại Điều 41; ...; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường quy định tại điểm b khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường." Theo nội dung quy định trên thì việc cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện sẽ được chuyển cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tương ứng để thực hiện. Do đó, UBND tỉnh đề xuất bãi bỏ toàn bộ các nội dung tại số thứ tự 3 khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, theo đó sau khi Nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành (từ 01/7/2025, cũng là thời điểm kết thúc hoạt động của chính quyền cấp huyện), các nội dung liên quan đến việc cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện sẽ do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện và thu phí. Về mức thu phí: UBND tỉnh đề xuất tất cả các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh sẽ thu cùng một mức 8.300.000 đồng/giấy phép, dự án, cơ sở trong trường hợp cấp, cấp lại; 4.150.000 đồng/giấy phép, dự án, cơ sở trong trường hợp điều chỉnh theo quy định tại số thứ tự 2 khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, với các lý do sau: - Các trường hợp cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện phát sinh ít hơn so với cấp tỉnh. - Hiện nay, việc cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đều được thực hiện theo hình thức trực tuyến, theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND thì mức thu phí trực tuyến bằng 60% mức thu quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND nêu trên; mặt khác, đối tượng nộp phí chủ yếu là các tổ chức, doanh nghiệp, có điều kiện về kinh tế, theo đó với mức thu phí trực tuyến bằng 60% mức thu tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND nằm trong khả năng chi trả của tổ chức, doanh nghiệp. - Đảm bảo số phí trích để lại đủ bù đắp được các chi phí phát sinh phục vụ cho công tác thu phí của tổ chức thu (Sở Nông nghiệp và Môi trường).
		điểm b khoản 5 Điều 10	b) Cơ quan cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và Môi trường.	Bãi bỏ điểm b khoản 5	
5	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai				
		điểm c khoản 5 Điều 11	c) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn.	c) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai.	
6	Phí cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất				Căn cứ dự thảo Đề án sắp xếp tổ chức Văn phòng đăng ký đất đai do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đang xây dựng sau khi nhập tỉnh, trong đó có tổ chức lại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thành Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực, thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo địa bàn một số xã, phường sau sắp xếp; căn cứ chủ trương không tổ chức chính quyền cấp huyện kể từ ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh tên tổ chức thu phí "Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn" thành "Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai" để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp.
		điểm b khoản 5 Điều 12	b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn.	b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai.	
7	Phí đăng ký biện pháp bảo đảm				
		điểm b khoản 5 Điều 13	b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn.	b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai.	
B	LỆ PHÍ				
1	Lệ phí hộ tịch				

		khoản 1 Điều 15	Chi tiết theo Biểu 2	Chi tiết theo Biểu 2	(1) Theo định hướng của Ban Chỉ đạo của Chính phủ tại gạch đầu dòng thứ hai, ý (1), tiểu mục 2.4, mục 2, Phần II Công văn số 03/CV-BCĐ, Văn phòng UBND và UBND xã mới có chức năng, nhiệm vụ như sau: "Tham mưu, giúp UBND cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: Công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật, kiểm tra, xử lý vi phạm quy phạm pháp luật, phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cấp xã, trợ giúp pháp lý, nuôi con nuôi, hộ tịch, chứng thực, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật." (2) Theo khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 7, khoản 3 Điều 7 dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định về phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực tư pháp khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp lần lượt quy định như sau: "1. Thẩm quyền đăng ký hộ tịch của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định... chuyển giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) thực hiện" "2. Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, giải quyết việc đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, đăng ký giám hộ, đăng ký chăm sóc giám hộ, đăng ký nhận cha, mẹ, con, đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài; đăng ký thay đổi, cải chính hộ tịch cho công dân Việt Nam từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước, xác định lại dân tộc; ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài..." "3. Trong trình tự, thủ tục thực hiện tại các quy định nêu tại khoản 2 Điều này, các nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tư pháp, Trưởng phòng Tư pháp sẽ được chuyển giao tương ứng cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã" Theo quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, UBND cấp xã thực hiện đăng ký hộ tịch cho các nội dung mang yếu tố trong nước; UBND cấp huyện thực hiện đăng ký hộ tịch cho các nội dung mang yếu tố nước ngoài, ngoài ra UBND cấp huyện thực hiện 02 thủ tục mang yếu tố trong nước gồm: Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước; xác định lại dân tộc. Căn cứ vào các quy định và tình hình thực tế nêu trên, UBND tỉnh đề xuất tại dự thảo Nghị quyết: (1) Sắp xếp lại nội dung đăng ký hộ tịch tại biểu của khoản 1 Điều 15 theo hướng đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài và đăng ký hộ tịch không có yếu tố nước ngoài đều do UBND cấp xã thực hiện, về mức thu lệ phí để xuất giữ nguyên theo quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh (Chi tiết theo Biểu 02); (2) Sửa đổi quy định tổ chức thu lệ phí từ "Phòng tư pháp các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn" thành "Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn".
2	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất		5. Tổ chức thu lệ phí: a) Phòng Tư pháp các huyện, thành phố. b) Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.	5. Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường	
		nội dung tại số thứ tự 3, 4 khoản 1 Điều 17	3 Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai - Tại các phường thuộc thành phố - Tại các khu vực khác 4 Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính - Tại các phường thuộc thành phố - Tại các khu vực khác	3 Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai - Tại các phường - Tại các xã 4 Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính - Tại các phường - Tại các xã	Tại gạch đầu dòng thứ ba, tiểu mục 3.1, mục 3 Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp quy định: "Trưởng hợp sắp xếp phường với các đơn vị hành chính cùng cấp (xã, phường, thị trấn) thì đơn vị hành chính sau sắp xếp là phường; trường hợp sắp xếp các xã, thị trấn thì đơn vị hành chính sau sắp xếp là xã". Như vậy, sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, cấp xã chỉ bao gồm phường và xã, không còn thị trấn; đồng thời không tổ chức chính quyền cấp huyện kể từ ngày 01/7/2025. Do đó, UBND tỉnh đề xuất sửa đổi địa điểm thực hiện chứng nhận đăng ký biến động về đất đai và trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính là tại phường và xã.
		điểm b, điểm c khoản 5 Điều 17	b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn thực hiện thu lệ phí các nội dung cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với cá nhân, cộng đồng dân cư. c) Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện thu lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư.	b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện thu lệ phí các nội dung cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với cá nhân, cộng đồng dân cư. c) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thực hiện thu lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư.	1. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố hiện lấy tên theo đơn vị hành chính cấp huyện. Căn cứ dự thảo Đề án sắp xếp tổ chức Văn phòng đăng ký đất đai do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên đang xây dựng sau khi nhập tỉnh, trong đó có tổ chức lại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thành Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực, thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo địa bàn một số xã, phường sau sắp xếp; căn cứ chủ trương không tổ chức chính quyền cấp huyện kể từ ngày 01/7/2025, UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh tên tổ chức thu lệ phí "Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn" thành "Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai" để phù hợp với việc sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp. 2. Theo định hướng của Ban Chỉ đạo của Chính phủ tại ý (2), tiểu mục 2.4, mục 2, Phần II Công văn số 03/CV-BCĐ, UBND xã mới sẽ gồm: Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (bao gồm các lĩnh vực: Tài chính - Kế hoạch, Xây dựng và Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường); Phòng Văn hóa - Xã hội (bao gồm các lĩnh vực: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Y tế); Trung tâm phục vụ hành chính công. Như vậy, các lĩnh vực thuộc UBND cấp xã mới quản lý cơ bản tương ứng với các lĩnh vực do UBND tuyến hiện nay đang quản lý, có chức năng tham mưu cho UBND xã thực hiện quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, trọng đó Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. Do đó, UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh tên tổ chức thu lệ phí "Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố" thành "Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)".
3	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng				
		điểm b khoản 5 Điều 18	b) UBND cấp huyện: Thu lệ phí đối với những trường hợp cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	b) UBND cấp xã: Thu lệ phí đối với những trường hợp cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ	
4	Lệ phí đăng ký kinh doanh				Theo định hướng của Ban Chỉ đạo của Chính phủ tại ý (2), tiểu mục 2.4, mục 2, Phần II Công văn số 03/CV-BCĐ, UBND xã mới sẽ gồm: Văn phòng HĐND và UBND; Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (bao gồm các lĩnh vực: Tài chính - Kế hoạch, Xây dựng và Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường); Phòng Văn hóa - Xã hội (bao gồm các lĩnh vực:

		điểm a khoản 1 Điều 19	a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chủ doanh nghiệp, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) do cấp huyện cấp 100.000. b) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố: Thu lệ phí đối với các đối tượng do cấp huyện cấp	a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chủ doanh nghiệp, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) do cấp xã cấp 100.000 đồng/lần. b) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường): Thu lệ phí đối với các đối tượng do cấp xã cấp	Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Khoa học và Thông tin, Y tế), Trung tâm phục vụ hành chính công. Như vậy, các lĩnh vực thuộc UBND cấp xã mới quản lý cơ bản tương ứng với các lĩnh vực do UBND huyện hiện nay đang quản lý, có chức năng tham mưu cho UBND xã thực hiện quản lý nhà nước thuộc các lĩnh vực kinh tế - xã hội trên địa bàn xã, trong đó Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) tham mưu quản lý nhà nước về lĩnh vực Xây dựng, Tài chính - Kế hoạch. Do đó, UBND tỉnh đề xuất điều chỉnh quy định: Tổ chức thu lệ phí cấp giấy phép xây dựng từ "UBND cấp huyện" thành "UBND cấp xã", tổ chức thu lệ phí đăng ký kinh doanh từ "Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố" thành "Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường)"; đơn vị cấp giấy chứng nhận từ "do cấp huyện cấp" thành "do cấp xã cấp", mức thu lệ phí không thay đổi.
5	Nội dung quy định lệ phí 0 đồng khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến	điểm b khoản 5 Điều 19	Mức thu các khoản lệ phí từ Điều 13 đến Điều 19 Quy định này áp dụng cho trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu lệ phí bằng 60% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Riêng một số khoản lệ phí sau khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu lệ phí bằng không (0 đồng), bao gồm: Lệ phí hồ tịch; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với cá nhân, cộng đồng dân cư (cấp Giấy chứng nhận lần đầu do Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thu; cấp Giấy chứng nhận biến động do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thu); Lệ phí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ (do Ủy ban nhân dân cấp huyện thu).	Sửa đổi, bổ sung theo các nội dung tương ứng đã thuyết minh ở trên	
	Điều 20		Mức thu các khoản lệ phí từ Điều 13 đến Điều 19 Quy định này áp dụng cho trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu lệ phí bằng 60% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Riêng một số khoản lệ phí sau khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu lệ phí bằng không (0 đồng), bao gồm: Lệ phí hồ tịch; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với cá nhân, cộng đồng dân cư (cấp Giấy chứng nhận lần đầu do Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thu; cấp Giấy chứng nhận biến động do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thu); Lệ phí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ (do Ủy ban nhân dân cấp xã thu).	Ngoài các nội dung thuyết minh cụ thể tương ứng với từng nội dung sửa đổi, bổ sung ở trên, UBND tỉnh còn căn cứ vào nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho các địa phương tại Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 về một số nhiệm vụ trọng tâm của tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến năm 30/6/2025, trong đó tại Mục 3 Kết luận số 155-KL/TW, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chỉ đạo: "... Triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền theo một số nguyên tắc chính sau: (1) Trung ương cấp trung quản lý vì mô, xây dựng thể chế, chuẩn mực, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường kiểm tra, giám sát; phân cấp, phân quyền đầu mối, đầu tư, hợp lý các nhiệm vụ ở Trung ương đang thực hiện và cho địa phương theo đúng tinh thần "địa phương quyết định, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". (2) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và phân định rõ giữa nhiệm vụ chung của ủy ban nhân dân và nhiệm vụ riêng của chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức các cấp (không để tình trạng đầu đũa, né tránh và chậm trễ trong việc triển khai các nhiệm vụ, quyền hạn, giải xử ý kiến trên). (3) Rà soát, thực hiện phân cấp, phân quyền giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, đồng nhất, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao theo thẩm quyền."	

**BIỂU SO SÁNH CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH GIỮA NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2025/NQ-HĐND
VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TẠI KHOẢN 1 ĐIỀU 15**

(Kèm theo Tờ trình số: **144** /TT-UBND ngày **15** /6/2025 của UBND tỉnh)

Nội dung quy định tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND				Nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết			
STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã			1	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã (không thuộc trường hợp tại số thứ tự thứ 2 khoản này)		
-	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	7.000	-	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	7.000
-	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	đồng	7.000	-	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	đồng	7.000
-	Kết hôn (Đăng ký lại kết hôn)	đồng	25.000	-	Kết hôn (Đăng ký lại kết hôn)	đồng	25.000
-	Nhận cha, mẹ, con	đồng	15.000	-	Nhận cha, mẹ, con	đồng	15.000
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước	đồng	15.000	-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	đồng	25.000
-	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	đồng	15.000	-	Xác định lại dân tộc	đồng	25.000
-	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng	15.000	-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước	đồng	15.000
-	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	đồng	7.000	-	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	đồng	15.000
2	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện			-	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng	15.000
-	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	65.000	-	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	đồng	7.000
-	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	đồng	65.000	2	Đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
-	Kết hôn (bao gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	đồng	1.350.000	-	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	65.000

-	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	đồng	65.000	-	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	đồng	65.000
-	Nhận cha, mẹ, con	đồng	1.350.000	-	Kết hôn (bao gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	đồng	1.350.000
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	đồng	25.000	-	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	đồng	65.000
-	Xác định lại dân tộc	đồng	25.000	-	Nhận cha, mẹ, con	đồng	1.350.000
-	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đồng	65.000	-	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đồng	65.000
-	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	65.000	-	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	65.000
-	Đăng ký hộ tịch khác	đồng	65.000	-	Đăng ký hộ tịch khác	đồng	65.000

Số: /2025/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng 6 năm 2025

Dự thảo lần 2

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày ... tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc

Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Mức thu:

a) Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trông, giữ xe:

- Các phường: 5.000 đồng/m²/ngày;

- Các xã: 3.000 đồng/m²/ngày.

b) Đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố vào mục đích khác:

- Các phường: 15.000 đồng/m²/tháng;

- Các xã: 3.000 đồng/m²/tháng.”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Tỷ lệ trích để lại:

a) Đối với phường: Để lại đơn vị trực tiếp thu năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, năm mươi phần trăm (50%) nộp ngân sách nhà nước.

b) Đối với xã: Để lại đơn vị trực tiếp thu mười phần trăm (10%) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động thu phí, chín mươi phần trăm (90%) nộp ngân sách nhà nước.”

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tổ chức thu phí: Ủy ban nhân dân xã, phường”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Tổ chức thu phí: Thư viện tỉnh, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên của mục I tiết a điểm 1.2 khoản 1 như sau:

“Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường”

b) Sửa đổi, bổ sung tên của cột thứ tư tiết c điểm 1.2 khoản 1 như sau:

“Mức thu tại các phường”

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 5 như sau:

“b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp đổi, cấp lại), c, d điểm 1.2 khoản 1 Điều này.

c) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp lần đầu; chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép), b điểm 1.2 khoản 1 Điều này”.

4. Bãi bỏ một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Bãi bỏ toàn bộ các nội dung tại số thứ tự 3 khoản 1.

b) Bãi bỏ điểm b khoản 5.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 Điều 11 như sau:

“c) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 12 như sau:

“b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai”.

7. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 13 như sau:

“b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai”.

8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã (không thuộc trường hợp tại số thứ tự thứ 2 điểm này)		
-	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh không đúng hạn, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	7.000
-	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử không đúng hạn, đăng ký lại khai tử)	đồng	7.000
-	Kết hôn (Đăng ký lại kết hôn)	đồng	25.000
-	Nhận cha, mẹ, con	đồng	15.000
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên cư trú ở trong nước	đồng	25.000
-	Xác định lại dân tộc	đồng	25.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
-	Thay đổi, cải chính hộ tịch cho người chưa đủ 14 tuổi cư trú ở trong nước	đồng	15.000
-	Bổ sung hộ tịch cho công dân Việt Nam cư trú ở trong nước	đồng	15.000
-	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	đồng	15.000
-	Xác nhận hoặc ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch khác; đăng ký hộ tịch khác	đồng	7.000
2	Đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài tại Ủy ban nhân dân cấp xã		
-	Khai sinh (bao gồm: Đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)	đồng	65.000
-	Khai tử (bao gồm: Đăng ký khai tử, đăng ký lại khai tử)	đồng	65.000
-	Kết hôn (bao gồm: Đăng ký kết hôn mới, đăng ký lại kết hôn)	đồng	1.350.000
-	Giám hộ, chấm dứt giám hộ	đồng	65.000
-	Nhận cha, mẹ, con	đồng	1.350.000
-	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch có yếu tố nước ngoài	đồng	65.000
-	Ghi vào sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	đồng	65.000
-	Đăng ký hộ tịch khác	đồng	65.000

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Tổ chức thu lệ phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường”

9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 3, 4 khoản 1 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Cá nhân, cộng đồng dân cư	Tổ chức
3	Chứng nhận đăng ký biến động về đất đai			
-	Tại các phường	đồng/lần	28.000	30.000
-	Tại các xã	đồng/lần	14.000	
4	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính			

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	
			Cá nhân, cộng đồng dân cư	Tổ chức
-	Tại các phường	đồng/lần	15.000	30.000
-	Tại các xã	đồng/lần	7.500	

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 5 như sau:

“b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện thu lệ phí các nội dung cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với cá nhân, cộng đồng dân cư.

c) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thực hiện thu lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 18 như sau:

“b) UBND cấp xã: Thu lệ phí đối với những trường hợp cấp phép xây dựng nhà ở riêng lẻ”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (bao gồm cả giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã) do cấp xã cấp 100.000 đồng/lần cấp.”

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 như sau:

“b) Phòng Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường): Thu lệ phí đối với các đối tượng do cấp xã cấp.”

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau:

“Mức thu các khoản lệ phí từ Điều 15 đến Điều 19 quy định này áp dụng cho trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Trường hợp cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu lệ phí bằng 60% mức thu lệ phí cung cấp dịch vụ công trực tiếp. Riêng một số khoản lệ phí sau khi thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mức thu lệ phí bằng không (0 đồng), bao gồm: Lệ phí hộ tịch; Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với cá nhân, cộng đồng dân cư (cấp Giấy chứng nhận lần đầu do Phòng

Kinh tế (đối với xã) hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị (đối với phường) thu; cấp Giấy chứng nhận biến động do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai thu); Lệ phí cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ (do Ủy ban nhân dân cấp xã thu)”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá X, kỳ họp thứ 30 (kỳ họp thường lệ giữa năm 2025) thông qua ngày ... tháng 6 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPCP, VPCTN;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh uỷ, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng CTHĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH

Phương Thị Thanh

Số: 183 /BC-STC

Bắc Kạn, ngày 30 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến của các đơn vị, địa phương đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật Phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ các Văn bản của Trung ương về sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp: Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Kết luận số 155-KL/TW ngày 17/5/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ; Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức cơ quan địa phương 2 cấp;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3928/UBND-TH ngày 20/5/2025 về việc xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 6/2025, Sở Tài chính đã xây dựng xong hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh (dự thảo Nghị quyết) theo trình tự, thủ tục rút gọn; thực hiện đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các cơ quan, đơn vị có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các đơn vị, địa phương để thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.

Theo đó, đến hết ngày 29/5/2025, hầu hết các đơn vị, địa phương đều nhất trí với nội dung dự thảo Nghị quyết. Riêng Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh có ý kiến: “*Tại khoản 1, Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 của Quy*

định ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND) liên quan đến mức thu đối với trường hợp sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng, giữ xe và cho các mục đích khác. Đề nghị xem xét lại quy định cho phép sử dụng tạm thời lòng đường để trồng giữ xe và tổ chức các hoạt động khác (như đám cưới, đám hiếu...), do tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn giao thông đường bộ.”

Sở Tài chính không tiếp thu ý kiến trên với lý do: (1) Luật Phí và lệ phí năm 2015 quy định việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng, giữ xe và cho các mục đích khác là một nội dung phải thực hiện thu phí và thẩm quyền quy định là của HĐND tỉnh, do đó việc quy định phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng, giữ xe và cho các mục đích khác tại Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND là phù hợp với quy định của pháp luật về phí và lệ phí; (2) Việc sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng giữ xe và cho các mục đích khác không phụ thuộc vào việc có quy định thu phí hay không, nghĩa là trong trường hợp không quy định thu phí thì các hoạt động như trồng giữ xe, đám cưới, đám hiếu, ... được tổ chức tại lòng đường vẫn diễn ra bình thường mà không bị hạn chế; (3) Hầu hết các tỉnh đều quy định việc thu phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố để trồng, giữ xe và cho các mục đích khác theo quy định của Luật Phí và lệ phí năm 2025; (4) Trên thực tế, việc sử dụng lòng đường, hè phố để trồng giữ xe và cho các mục đích khác thường diễn ra trong thời gian ngắn nên rất ít phát sinh hoặc tiềm ẩn những nguy cơ đáng lo ngại đến an toàn giao thông.

Với nội dung trên, Sở Tài chính báo cáo đề UBND tỉnh gửi HĐND tỉnh kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TCHCSN (B.Ngọc).



BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 161/BCTĐ-STP ngày 06/6/2025 đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí; Nghị định số 82/2023/NĐ-CP ngày 28/11/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 3928/UBND-TH ngày 20/5/2025 về việc xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình HĐND tỉnh tại kỳ họp tháng 6/2025, đến nay Sở Tài chính đã xây dựng xong hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của HĐND tỉnh Bắc Kạn (dự thảo Nghị quyết) theo trình tự, thủ tục rút gọn; thực hiện đăng tải dự thảo Nghị quyết trên cổng thông tin điện tử của tỉnh và Sở Tài chính để lấy ý kiến góp ý rộng rãi của các đơn vị, địa phương có liên quan; đồng thời, lấy ý kiến góp ý bằng văn bản của các đơn vị, địa phương để thống nhất nội dung dự thảo Nghị quyết.

Sau khi tiếp thu ý kiến của các đơn vị, địa phương, ngày 30/5/2025, Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 1460/STC-TCHCSN gửi Sở Tư pháp đề nghị cho ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết. Ngày 06/6/2025, Sở Tư pháp có Báo cáo thẩm định số 161/BCTĐ-STP cho ý kiến thẩm định đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh nêu trên. Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính tiếp thu, giải trình các ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp theo Biểu đính kèm.

Vậy, Sở Tài chính báo cáo đề UBND tỉnh gửi HĐND tỉnh kèm theo hồ sơ dự thảo Nghị quyết theo quy định./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, TCHCSN (B.Ngọc).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nông Thị Hiền

BÁO CÁO TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ TƯ PHÁP TẠI BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ 161/BCTĐ-STP NGÀY 06/6/2025 ĐỐI VỚI HỒ SƠ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA QUY ĐỊNH MỨC THU, MIỄN, GIẢM; THU, NỘP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG CÁC LOẠI PHÍ VÀ LỆ PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 02/2025/NQ-HĐND NGÀY 03/4/2025 CỦA HĐND TỈNH

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày /6/2025 của Sở Tài chính)

STT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính
1	Tại khoản 5, khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Dự thảo Nghị quyết sửa đổi quy định về phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo đó, trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (đối với đất) và trường hợp chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp, mức thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư được phân thành 02 nhóm: cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường và cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực khác. So sánh với Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực mà trước đây là thị trấn (theo Nghị quyết 02/2025/NQ-HĐND, áp dụng mức thu như các phường) thì theo quy định của dự thảo Nghị quyết sẽ áp dụng mức thu như các xã khác. Theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 5 Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính): “Căn cứ quy mô diện tích của thửa đất, tính chất phức tạp của từng loại hồ sơ, mục đích sử dụng đất và điều kiện cụ thể của địa phương để quy định mức thu phí cho từng trường hợp”. Do đó, để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét ban hành, đề nghị đơn vị soạn thảo đánh giá thêm về nội dung này (như sự phù hợp với điều kiện địa phương, tác động đến thu ngân sách nhà nước...).	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính giải trình bổ sung như sau: - Về sự phù hợp với điều kiện của địa phương: Thực tế trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, thị trấn tại các huyện vẫn còn rất nhiều khó khăn, chủ yếu là người dân tộc thiểu số sinh sống, tình hình phát triển kinh tế - xã hội nói chung chỉ cao hơn rất ít so với các xã trên cùng địa bàn huyện. Bên cạnh đó, theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường, số thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bình quân 01 năm như sau: Năm 2023: trên địa bàn 01 xã là 6,8 triệu đồng, 01 thị trấn là 7,3 triệu đồng; năm 2024: trên địa bàn 01 xã là 7,4 triệu đồng, 01 thị trấn là 7,6 triệu đồng, như vậy tổng số phí thu được bình quân 01 năm trên địa bàn xã và thị trấn có sự chênh lệch rất nhỏ, không đáng kể. - Về tác động đến thu ngân sách nhà nước: Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND thì 100% số phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được để lại cơ quan thu nhằm trang trải các chi phí phục vụ cho công tác thu phí, không phải trích nộp ngân sách nhà nước, do đó không có tác động đến số thu ngân sách nhà nước. Từ những nội dung trên, việc Sở Tài chính đề xuất thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực mà trước đây là thị trấn áp dụng mức thu như các xã tại dự thảo Nghị quyết là phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh và các quy định của pháp luật hiện hành.
2	Tại khoản 8, khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Dự thảo Nghị quyết sửa đổi quy định về phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường. Theo đó, điều chỉnh nội dung: “Đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND cấp huyện” thành “Đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường của UBND cấp xã”. Để HĐND tỉnh có cơ sở xem xét, đề nghị đơn vị soạn thảo phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường bổ sung nội dung thuyết minh, đảm bảo sự phù hợp của việc chuyển giao thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường đối với dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện cho UBND cấp xã (Theo điểm a khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp (Dự thảo ngày 09/5/2025), HĐND, UBND cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh thực hiện một số thẩm quyền, trách nhiệm tương ứng của HĐND cấp huyện, UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trong một số trường hợp sau: “a) Cấp giấy phép môi trường quy định tại Điều 41... Luật Bảo vệ môi trường”). Cùng với đó, đề nghị xem xét, đảm bảo sự phù hợp của việc sửa đổi quy định về tổ chức thu phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường tại khoản 9 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.	Tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính giải trình như sau: Trong nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân định thẩm quyền trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, trong đó quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện một số thẩm quyền, trách nhiệm tương ứng của Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trong một số trường hợp sau: a) Cấp giấy phép môi trường quy định tại Điều 41; ...; cấp, cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại, thu hồi giấy phép môi trường quy định tại điểm b khoản 2 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường.” Theo nội dung quy định trên thì việc cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện sẽ được chuyển cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh tương ứng để thực hiện. Vì vậy, việc đề xuất chuyển thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện về UBND cấp xã thực hiện như tại dự thảo Nghị quyết là không phù hợp. Do đó, sau khi thống nhất với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính đề xuất bãi bỏ toàn bộ các nội dung tại số thứ tự 3 khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, theo đó sau khi Nghị quyết được thông qua và có hiệu lực thi hành (từ 01/7/2025, cũng là thời điểm kết thúc hoạt động của chính quyền cấp huyện), các nội dung liên quan đến việc cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp huyện sẽ do Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện và thu phí. Về mức thu phí: Sở Tài chính đề xuất tất cả các dự án/cơ sở nhóm III thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh sẽ thu cùng một mức 8.300.000 đồng/giấy phép, dự án, cơ sở trong trường hợp cấp, cấp lại; 4.150.000 đồng/giấy phép, dự án, cơ sở trong trường hợp điều chỉnh theo quy định tại số thứ tự 2 khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND, với các lý do sau: - Các trường hợp cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện phát sinh ít hơn so với cấp tỉnh. - Hiện nay, việc cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường đều được thực hiện theo hình thức trực tuyến, theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND thì mức thu phí trực tuyến bằng 60% mức thu quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND nêu trên; mặt khác, đối tượng nộp phí chủ yếu là các tổ chức, doanh nghiệp, có điều kiện về kinh tế, theo đó với mức thu phí trực tuyến bằng 60% mức thu tại khoản 1 Điều 10 Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND nằm trong khả năng chi trả của tổ chức, doanh nghiệp.
3	Tương tự, đề nghị rà soát, bổ sung vào thuyết minh đối với các nội dung liên quan đến phân cấp, phân định lại thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp tại khoản 16, 17, 18, 19 và 20 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.	Sau khi phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng rà soát kỹ các nội dung đề xuất tại khoản 16, 17, 18, 19 và 20 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, so sánh với các nội dung quy định hiện hành liên quan đến phân cấp, phân định lại thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, thì Sở Tài chính đề nghị giữ nguyên các nội dung quy định tại khoản 16, 17, 18, 19 và 20 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.
4	1. Tại phần căn cứ ban hành: - Đề nghị bổ căn cứ là Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025. - Đề nghị bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” vào trước “Bộ Tài chính” tại các căn cứ là Thông tư số 85/2019/TT-BTC và Thông tư số 106/2021/TT-BTC.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa, bổ sung tại phần căn cứ của dự thảo Nghị quyết

STT	Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp	Nội dung tiếp thu, giải trình của Sở Tài chính
5	Đề nghị trình bày nội dung dự thảo Nghị quyết theo hướng: Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn, giảm; thu, nộp, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 03/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh, cụ thể như sau: 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 1 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau: ... b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: ... c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau: ... 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau: ...	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa lại bố cục của dự thảo Nghị quyết
6	Tại khoản 13 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Đề nghị điều chỉnh nội dung “Đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố trong nước tại UBND cấp xã” thành “Đối với việc đăng ký hộ tịch tại UBND cấp xã (không thuộc trường hợp tại số thứ tự thứ 2 khoản này)”.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa tại điểm a khoản 8 Điều 1 của dự thảo Nghị quyết
7	Tại phần nơi nhận, để đảm bảo chính xác, đề nghị điều chỉnh nơi nhận là “Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp)” thành “Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp)”.	Sở Tài chính tiếp thu và đã chỉnh sửa tại phần nơi nhận của dự thảo Nghị quyết

**BIỂU THUYẾT MINH CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI GIỮA NGHỊ QUYẾT SỐ 05/2
THEO Ý KIẾN THẨM ĐỊNH SỐ 1,2,3 CỦA SỞ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-STC ngày /6/2025 của Sở Tài

STT	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Nghị quyết	Nội dung quy định tại Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của HĐND tỉnh	Nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết lần 1 gửi xin ý kiến của Sở Tư pháp	Nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp
Ý kiến số 1, số 2 của Sở Tư pháp	Điều 1.1, khoản 1, Điều 8	Điều 8. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1. Mức thu: 1.1. Đối với tổ chức:	Điều 8. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 1. Mức thu: 1.1. Đối với tổ chức:	Điều 8. Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 1. Mức thu: 1.1. Đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài:
	Điều 1.2, khoản 1, Điều 8	1.2. Đối với hộ gia đình, cá nhân:	1.2. Đối với hộ gia đình, cá nhân:	1.2. Đối với cá nhân, cộng đồng dân cư:
	Khoản 5 Điều 17 (khoản 5 Điều 18 Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND)	5. Tổ chức thu lệ phí: a) Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu lệ phí đối với các tổ chức trong nước; tổ chức, cá nhân người nước ngoài. b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường: Thu lệ phí đối với các hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam.	5. Tổ chức thu lệ phí: a) Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu lệ phí các nội dung cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với tổ chức. b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn thực hiện thu lệ phí các nội dung cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với hộ gia đình, cá nhân. c) Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện thu lệ phí cấp	5. Tổ chức thu lệ phí: a) Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu lệ phí các nội dung cấp lần đầu, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài. b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn thực hiện thu lệ phí các nội dung cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận, chứng nhận đăng ký biến động về đất đai, trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính đối với cá nhân, cộng đồng dân cư. c) Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện thu lệ phí cấp giấy chứng nhận lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư.

Ý kiến số 2 của Sở Tư ph áp	Tiết a, điểm 1.2, khoản 1, Điều 8	a) Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đối với đất) Mức thu cấp lần đầu	a) Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đối với đất) Mức thu cấp lần đầu	a) Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (đối với đất) Mức thu cấp lần đầu; Chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.
	Khoản 5 Điều 9	5. Tổ chức thu phí: a) Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. b) Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.	5. Tổ chức thu phí: a) Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu đối với tổ chức quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này. b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn thực hiện thu đối với hộ gia đình, cá nhân quy định tại tiết b, c, d điểm 1.2 khoản 1 Điều này. c) Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện thu đối với hộ gia	a) Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện thu đối với tổ chức quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này. b) Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp đổi, cấp lại), c, d điểm 1.2 khoản 1 Điều này. c) Phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện thu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư quy định tại tiết a (trường hợp cấp lần đầu; chuyển mục đích sử dụng đất phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép), b điểm 1.2 khoản 1 Điều này.

2022/NQ-HĐND VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT
HÁP

(chính)

Căn cứ pháp lý (chi tiết theo điều, khoản, điểm của các quy định của pháp luật về đất đai)

- * Tại Điểm a, khoản 1, Điều 136, Luật đất đai năm 2024 quy định: "Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại các khoản 1,2,5,6 và 7 Điều 4 của Luật này."
 - * Tại Điểm b, khoản 1, Điều 136, Luật đất đai năm 2024 quy định: "Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 4 của Luật này".
- Điều 4 Luật Đất đai quy định người sử dụng đất, bao gồm:
1. Tổ chức trong nước gồm:
 - a) Cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị vũ trang nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Tổ chức kinh tế theo quy định của Luật đầu tư, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này (sau đây gọi là tổ chức kinh tế);
 2. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc;
 3. Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam (sau đây gọi tắt là cá nhân);
 4. Cộng đồng dân cư.
 5. Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao gồm cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện khác của nước ngoài có chức năng ngoại giao được Chính phủ Việt Nam thừa nhận; cơ quan đại diện của tổ chức thuộc Liên hợp quốc, cơ quan hoặc tổ chức liên chính phủ, cơ quan đại diện của tổ chức liên chính phủ;
 6. Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài;
 7. Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.
- Do vậy, Sở Tài chính tiếp thu và sửa đổi, bổ sung cụm từ "Đối với tổ chức" thành cụm từ "Đối với tổ chức, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài" vào mục thu đối với tổ chức và sửa đổi, bổ sung cụm từ "hộ gia đình, cá nhân" thành cụm từ "cá nhân, cộng đồng dân cư" vào mục thu đối với cá nhân để phù hợp

Khoản 2, Điều 123, Luật đất đai năm 2024 quy định:

"Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất..."

Do vậy, Sở Tài chính tiếp thu và sửa đổi, bổ sung thêm nội dung thu phí do phòng Nông nghiệp và Môi trường các huyện, thành phố bao gồm thực hiện thu phí cấp lần đầu và thu phí khi thực hiện Chuyển mục đích sử dụng đất khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Ngoài ra, làm rõ hơn các trường hợp thu phí do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện, thành phố thu.